

Số: **11** /2022/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày **13** tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 3533/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân nộp phí; tổ chức thu phí; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

### **Điều 2. Người nộp phí và tổ chức thu phí**

#### 1. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre là người nộp phí theo quy định tại Nghị quyết này.

#### 2. Tổ chức thu phí

a) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu phí đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tổ chức thu phí đối với các đối tượng đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

### **Điều 3. Mức thu phí**

Tổ chức thu phí thực hiện thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh áp dụng mức thu phí theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí**

#### 1. Chế độ thu, nộp phí

Tổ chức thu phí gửi toàn bộ số tiền phí thu được vào tài khoản chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước cùng cấp; thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp số phí thu được vào ngân sách nhà nước.

#### 2. Quản lý và sử dụng phí

Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thực hiện thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường từ nguồn phí thu được theo quy định, được trích lại 75% số tiền phí thu được để thực hiện chi theo các nội dung chi quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng

8 năm 2016; nộp 25% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, tiêu mục tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2022.

Bãi bỏ điểm d khoản 1 và cụm từ “thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi” tại khoản 2 Điều 1; tiết 3 mục II phần A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

#### **CHỦ TỊCH**



**Hồ Thị Hoàng Yến**

**Phụ lục**  
**QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH**  
**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11 /2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7  
năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường như sau:

*Đơn vị tính: đồng/giấy phép*

STT	NỘI DUNG	Mức thu
<b>I</b>	<b>Phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh</b>	
1	Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm (trừ dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)	12.000.000
2	Dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (trừ Dự án đầu tư nhóm II nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc nằm trên vùng biển chưa xác nhận trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); dự án đầu tư nhóm III nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên	15.000.000
3	Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Dự án, cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm III nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên	7.500.000
<b>II</b>	<b>Phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>	
1	Dự án đầu tư nhóm III (trừ dự án đầu tư nhóm III nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên)	8.700.000

2	Dự án đầu tư, cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm III (trừ dự án đầu tư, cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm III nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên)	4.500.000
<b>III</b>	<b>Phí thẩm định điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh</b>	4.500.000
<b>IV</b>	<b>Phí thẩm định điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>	3.500.000

2. Mức phí nêu trên tính theo lần thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường. Mức phí không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định (chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải do tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép môi trường chi trả theo quy định của pháp luật).